

Bản án số: 08/2024/KDTM -ST

Ngày: 08/3/2024

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Tô Văn Nhung;

2/ Bà Bùi Thị Thúy Lan.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Long, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 3 năm 2024, tại Toà án nhân dân thành phố Dĩ An tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2023/TLST – KDTM ngày 05 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-KDTM ngày 31 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST – KDTM ngày 19 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà M Thị Trúc M – Chủ Hộ Kinh Doanh V; địa chỉ: Số 48, đường số 9, khu trung tâm hành chính Dĩ An, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn:* Công ty TNHH Âm Thực A; địa chỉ: Thửa đất số 2823, tờ bản đồ số 12TDH.6, đường Đ, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Đức A, sinh năm 1990 – chức danh: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/11/2023 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn Bà M Thị Trúc M – Chủ Hộ Kinh Doanh V trình bày tóm tắt như sau:*

Bà M Thị Trúc M là chủ Hộ kinh doanh V (sau đây gọi tắt là bà M), theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 50H8025852, do Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An cấp ngày 13/10/2021. Địa chỉ trụ sở Hộ kinh doanh: Thửa đất số 85, tờ bản đồ số 48, ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. Ngày 24/3/2022 bà M với Công ty TNHH Âm Thực A (sau đây gọi tắt là Công ty A) có ký kết với nhau Hợp đồng mua bán số: 01/HĐKT/TPDL/202. Do sai sót trong khâu đánh máy nên tên “Hộ kinh doanh V” đánh nhầm thành “Hộ kinh doanh Vừa Thủy Hải Sản Biên Hoàng Mai”. Tuy nhiên, bà M chỉ đăng ký là chủ hộ kinh doanh duy nhất là Hộ kinh doanh V và địa chỉ của Hộ kinh doanh trong hợp đồng đúng như địa chỉ trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Hợp đồng hai bên ký kết có nội dung: Bà M cung cấp các mặt hàng là thực phẩm cho Công ty A. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà M đã thực hiện đúng trách nhiệm của mình, giao hàng đầy đủ và đảm bảo chất lượng cho Công ty A. Tuy nhiên, Công ty A đã không thanh toán tiền hàng đúng theo thỏa thuận cho bà M. Vì vậy, các bên thống nhất số tiền lãi phát sinh từ việc không thanh toán tiền hàng đúng theo thỏa thuận bắt đầu từ ngày 01/4/2023 đến ngày 01/7/2023 theo lãi suất 1.66%/tháng đối với số nợ gốc là: 2.270.000.000 đồng $\times$ 1,66%/tháng $\times$ 3 tháng = 113.046.000 đồng. Công ty A đã thanh toán cho bà M số tiền 5.000.000 đồng vào tháng 4/2023, do đó số tiền mà Công ty A còn nợ bà M là: 108.000.000 đồng. Sau đó, hai bên đã tiến hành xác nhận công nợ còn tồn đọng. Tại Biên bản xác nhận công nợ ngày 01/7/2023, Công ty A xác nhận còn nợ bà M số tiền 2.270.000.000 đồng nợ gốc cùng với tiền lãi là 108.000.000 đồng. Công ty A cam kết sẽ thanh toán tiền gốc và tiền lãi cho bà M bắt đầu từ tháng 08/2023 theo tiến độ đã được hai bên thống nhất.

Tuy nhiên, Công ty A đã không thực hiện đúng cam kết của mình, đã không trả đủ tiền cho bà M theo đúng tiến độ thỏa thuận. Bà M đã gửi thông báo yêu cầu Công ty A thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng Công ty không thực hiện. Vì vậy, nguyên đơn đã khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc Công ty TNHH Âm Thực A phải trả cho bà M số tiền nợ gốc là 2.270.000.000 đồng cùng với tiền lãi tính từ ngày 01/4/2023 đến ngày 01/7/2023 là 108.000.000 đồng, tổng cộng: 2.378.000.000 đồng và bà M không yêu cầu tính lãi kể từ ngày 01/7/2023 đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Chúng cứ do nguyên đơn cung cấp: Hợp đồng mua bán số 01/HĐKT/TPDL/202 ngày 24/3/2022; Biên bản xác nhận công nợ đề ngày 01/7/2023.

- Đối với bị đơn Công ty TNHH Âm Thực A: Quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Bị đơn không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

+ Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa vào các ngày 19/02/2024, 08/3/2024 nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng.

+ Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà M Thị Trúc M là chủ Hộ kinh doanh V khởi kiện Công ty TNHH Ấm Thực A liên quan đến hợp đồng mua bán hàng hóa được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Công ty TNHH Ấm Thực A có trụ sở tại Thửa đất số 2823, tờ bản đồ số 12TDH.6, đường Đ, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH Ấm Thực A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà M Thị Trúc M là chủ Hộ kinh doanh V chuyên cung cấp các mặt hàng thủy, hải sản. Ngày 24/3/2022, giữa bà M Thị Trúc M là chủ Hộ kinh doanh V và Công ty TNHH Ấm Thực A có ký kết Hợp đồng mua bán số: 01/HĐKT/TPDL/202. Nguyên đơn xác nhận do có sai sót trong khâu đánh máy nên khi soạn thảo hợp đồng có ghi nhầm tên của Hộ kinh doanh từ “*Vựa Thủy Hải Sản Biển Hoàng Mai*” thành “*Vựa Thủy Hải Sản Biên Hoàng Mai*”. Tuy nhiên tên của chủ hộ và địa chỉ trụ sở của Hộ kinh doanh đúng với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Vì vậy, giữa bà M Thị Trúc M là chủ Hộ kinh doanh V với Công ty A có ký kết hợp đồng mua bán nêu trên là đúng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hợp đồng giữa hai bên thỏa thuận các nội dung: Công ty A đặt hàng cho bà M các mặt hàng theo danh sách đính kèm hàng ngày hoặc hàng tuần theo nhu cầu của Công ty A. Hợp đồng còn thỏa thuận về đơn giá, thời gian vận chuyển, địa điểm giao hàng, phương thức thanh toán, thời gian thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận hàng...vv. Hợp đồng được ký kết trên cơ sở tự nguyện nên có giá trị bắt buộc phải thực hiện. Quá trình thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa, Công ty A chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng nên hai bên đã ký kết Biên bản xác

nhận công nợ vào ngày 01/7/2023 với nội dung: Công ty A xác nhận tính đến ngày 01/7/2023 còn nợ Hộ kinh doanh Vừa Thủy Hải Sản Biên Hoàng Mai số tiền 2.270.000.000 đồng và tiền lãi 108.000.000 đồng. Biên bản xác nhận công nợ được lập thành văn bản và có xác nhận của người đại diện hợp pháp của Công ty A ký tên, đóng dấu Công ty. Như vậy, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty A phải thanh toán số tiền nợ còn thiếu tính đến ngày 01/7/2023 là 2.378.000.000 đồng, trong đó nợ gốc là 2.270.000.000 đồng, tiền lãi là 108.000.000 đồng là có căn cứ theo các chứng cứ như đã phân tích ở trên. Quá trình tố tụng, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn, tuy nhiên bị đơn vắng mặt và không nộp các tài liệu chứng cứ chứng minh bị đơn không nợ nguyên đơn số tiền trên hoặc có nợ nhưng đã thanh toán một phần hay toàn bộ khoản nợ. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn cung cấp để giải quyết.

Việc nguyên đơn khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi theo nội dung của Biên bản xác nhận công nợ nêu trên tính đến ngày 01/7/2023 và không yêu cầu tính tiền lãi kể từ ngày 02/7/2023 cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật là sự tự nguyện của nguyên đơn và có lợi cho bị đơn nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại các Điều 434, 440 của Bộ luật dân sự; nhận thấy việc bà M Thị Trúc M - chủ Hộ kinh doanh V yêu cầu Công ty A thanh toán tiền gốc, tiền nợ lãi trong hợp đồng mua bán hàng hóa, là có cơ sở để chấp nhận. Buộc Công ty A phải có nghĩa vụ thanh toán cho Bà M Thị Trúc M - chủ Hộ kinh doanh V số tiền 2.378.000.000 đ (Hai tỷ ba trăm bảy mươi tám triệu đồng). Trong đó: Số nợ gốc là 2.270.000.000 đồng, tiền lãi là 108.000.000 đồng.

[5] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 63, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 và Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 434 và Điều 440 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 50, Điều 55 Luật Thương mại.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản

lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà M Thị Trúc M - chủ Hộ kinh doanh V về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa đối với bị đơn Công ty TNHH Âm Thực A.

Buộc Công ty TNHH Âm Thực A phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà M Thị Trúc M - chủ Hộ kinh doanh V số tiền 2.378.000.000 đ (hai tỷ ba trăm bảy mươi tám triệu đồng). Trong đó: số nợ gốc là 2.270.000.000 đồng, tiền lãi là 108.000.000 đồng.

Kể từ ngày, bà M Thị Trúc M - chủ Hộ kinh doanh V có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty TNHH Âm Thực A không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nêu trên thì Công ty TNHH Âm Thực A còn phải thanh toán cho bà M Thị Trúc M - chủ Hộ kinh doanh V tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH Âm Thực A phải nộp tiền án phí là 79.560.000đ (Bảy mươi chín triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho bà M Thị Trúc M - chủ Hộ kinh doanh V số tiền tạm ứng án phí 39.780.000đ (Ba mươi chín triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001320 ngày 01/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Dương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng